

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ
MAUÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:77/2022/DS-PT
Ngày 08 – 4– 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAUÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên - là Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh Cà Mauà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Cà Mauà Mau tham gia phiên toà: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Cà Mauà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mauà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, Tỉnh Cà Mau ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng Phương là luật sư của Trung tâm tư vấn Pháp luật thuộc đoàn luật sư Tỉnh Cà Mauà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trương Văn T1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, Tỉnh Cà Mau ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, Tỉnh Cà Mau . (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, Tỉnh Cà Mau .

Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, Tỉnh Cà Mau .

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1945 (có mặt), theo giấy ủy quyền ngày 22/01/2021.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, Tỉnh Cà Mau .

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn X, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Khoảng năm 2000 ông T1 có thuê ông khoan đất để san lấp mặt bằng phần đất của ông T1 tọa lạc tại ấp Mũi Tràm C, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời. Việc thuê chỉ thỏa thuận miệng, không có ký hợp đồng. Theo nội dung thỏa thuận, ông T1 khởi phải trả tiền công cho ông mà giao cho ông một nền nhà trên phần đất của ông T1 với diện tích 300m² để ông xây dựng nhà ở. Sau đó, ông đã bơm đất xong theo yêu cầu của ông T1, ông T1 cũng đã giao cho ông một nền nhà diện tích 300m². Ông nhận đất làm nhà ở ổn định. Đến năm 2018, ông T1 khởi kiện ông đến Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời để yêu cầu ông giao trả lại phần đất cho mượn 300m². Đến ngày 11/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc yêu cầu ông giao trả phần đất 300m². Ông T1 không đồng ý nên kháng cáo. Ngày 03/8/2018, Tòa án nhân dân Tỉnh Cà Mau xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 140/2018/DS-PT buộc ông trả cho ông T1 số tiền 72.000.000 đồng tương đương giá trị diện tích đất 300m², ông được quyền sở hữu phần đất trên. Ông đồng ý với kết quả xét xử của Tòa án nhân dân Tỉnh Cà Mau nhưng ông T1 vẫn còn nợ ông phần tiền công san lấp mặt bằng phần đất của ông T1 trước đây. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông T1 trả tiền công san lấp mặt bằng với khối lượng 3.960m³ tương ứng với số tiền 55.440.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Trước đây, ông T1 có bán cho UBND xã Khánh Bình Tây Bắc phần đất khối để san lấp mặt bằng, ông X là người thực hiện việc san lấp. Trong quá trình bơm đất, ông X bơm lầy cháo và nước trực tiếp tràn vào các khu vực: phần mộ, nền nhà ông T1 đang ở và các khu vực xung quanh đất của ông T1 với chiều cao khoảng 3 tầng. Thấy vậy, ông T1 có trả tiền dầu cho ông X, ông X không có yêu cầu gì về tiền công nên ông T1 có cho ông X mượn phần đất 300m² để cất nhà ở, khi nào có nhu cầu sẽ lấy đất lại. Thời gian sau, ông T1 có yêu cầu ông X trả đất nhưng ông X không đồng ý nên ông T1 có khởi kiện ông X đến Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời để yêu cầu ông X giao trả phần đất đã mượn diện tích 300m². Đến ngày 11/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T1. Ông T1 không đồng ý nên kháng cáo. Đến ngày 03/8/2018 Tòa án nhân dân Tỉnh Cà Mau xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 140/2018/DS-PT buộc ông X trả cho ông T1 giá trị tương đương 300m²

đất với số tiền 72.000.000 đồng, ông X được quyền sở hữu phần đất trên. Nay, ông X khởi kiện yêu cầu ông T1 trả tiền công bơm đất khối lượng 3.960m³ tương ứng với số tiền 55.440.000 đồng thì ông T1 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Kim H** trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Văn T1 trả tiền công bơm đất với khối lượng 3.960m³ tương ứng với số tiền 55.440.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/4/2021, ông Nguyễn Văn X có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông buộc ông T1 trả tiền công bơm đất với khối lượng 3.960m³ bằng số tiền 55.440.000 đồng.

Phản tranh luận tại phiên toà:

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông X tranh luận: Hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông T1 thừa nhận có thuê ông X san lấp mặt bằng phần đất của ông T1, thuê đến đâu trả tiền đến đó. Bên cạnh đó, còn có rất nhiều người làm chứng cho ông X về việc ông T1 có thuê ông X san lấp mặt bằng phần đất cho ông T1. Khi Tòa án Tỉnh Cà Mau tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì phía sau phần đất của ông T1 vẫn còn cái ao rất lớn. Cái ao này hình thành từ lúc ông X lấy đất san lấp mặt bằng phần đất của ông T1. Vì vậy, có đủ cơ sở chứng minh việc ông T1 thuê ông X bơm đất là có và đến nay chưa thanh toán tiền công cho ông X. Căn cứ vào kết quả thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá Thuận Việt thực hiện. Yêu cầu HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông X, buộc ông T1 trả cho ông X số tiền 138.600.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn X tranh luận: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng ý với nội dung tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có bổ sung.

Ông Nguyễn Văn T2 tranh luận: Yêu cầu khởi kiện của ông X không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp đất đai trước đây ông xuân cũng có văn bản trình bày ý kiến xác định việc ông T1 cho rằng thuê ông X lấp nền nhà là không có, ông X tự san lấp nền nhà là để ở. Đối với cái ao ngang 44m x dài 56m có là do ông T1 bán đất khối cho Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc. Các ngôi mộ của gia đình ông T1 có từ năm 1970 nếu ông X có san lấp phần đất của

ông T1 lên 1m thì hiện trạng khu mộ sẽ không còn như hiện nay. Đối với những người làm chứng cho ông X không khách quan nên không thể coi là chứng cứ. Trong giai đoạn Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, ông X thống nhất giá trị định giá phần đất khối là 55.440.000 đồng nay lại yêu cầu số tiền 138.600.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X.

Bà Nguyễn Kim H không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa *phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn X là có căn cứ nên đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Trần Văn Thời, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X. Buộc ông T1 trả cho ông X số tiền san lấp mặt bằng là 48.930.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông X khởi kiện ông T1 yêu cầu thanh toán tiền san lấp mặt bằng với khối lượng là 3.960m³ đất bằng 55.440.000 đồng, ông T1 không đồng ý. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X nên ông X kháng cáo.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông X, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông X và ông T1 tranh chấp Hợp đồng dịch vụ về việc san lấp mặt bằng là có xảy ra trên thực tế. Việc san lấp mặt bằng giữa ông X và ông T1 không lập thành văn bản, sau khi hoàn thành công việc hai bên cũng không quyết toán, không đối chiếu khối lượng đất san lấp và số tiền phải thanh toán. Ông T1 cho rằng ông X không lấy tiền công nên ông T1 chỉ đổ dầu cho ông X, ngược lại ông X cho rằng không lấy tiền công san lấp vì ông T1 trả cho ông 01 nền nhà ngang 6m x dài 50m để xây dựng nhà ở. Nhưng do năm 2018, ông T1 đã kiện đòi lại phần đất trên và Tòa án đã buộc ông trả lại phần đất cho ông T1. Vì vậy, ông X khởi kiện đòi tiền công san lấp mặt bằng của ông T1.

[3] Các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Tại bản án số: 26/2018/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời và bản án phúc thẩm số: 140/2018/DSPT ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân Tỉnh Cà Mau giải quyết về việc ông Trương Văn T1 kiện ông Nguyễn Văn X đòi lại phần đất ngang 06m x dài 50m. Tại hai bản án có thể hiện việc bơm đất để san lấp mặt bằng không có trả tiền, ông T1 thì xác định không trả tiền công vì cho ông X mượn đất cất nhà, ông X thì cho rằng không ông nhận tiền công do ông T1 giao cho ông phần đất ngang 1m dài thêm 30m nối tiếp với phần đất của ông đã sang trước đó là ngang 5 dài 20m để ông X quản lý toàn bộ diện tích ngang 6m dài 50m.

Tại Đơn Yêu cầu đề ngày 21/10/2019, do ông T1 ký tên, nội dung đơn ông T1 thừa nhận ông X có bơm đất trảng lên phần đất của ông cao khoảng 03 tấc là có. Tại biên bản hòa giải ngày 21/01/2019, ông T1 thừa nhận năm 2000, ông có thuê ông X san lấp mương lạng và mặt bằng do quá lâu nên không nhớ được bao

nhiều khối, nhưng bơm đến đâu thì trả tiền đến đó. Ngoài ra ông T1 còn cung cấp cho Tòa án những người hiểu biết sự việc như ông Trần Minh Trị, ông Trương Văn Giữ, ông Đặng Văn Giang đều xác nhận cùng một nội dung là có biết việc ông T1 thuê mượn ông X khoan cái ao cho ông T1 nuôi cá, không nhớ làm bao nhiêu tiền nhưng làm đến đâu trả tiền đến đó, có lúc ông T1 mượn tiền của ông để trả cho ông X. Bà H vợ ông T1 xác định không có việc thuê ông X bơm đất cũng không có trả tiền cho ông X.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định có việc ông X khoan cái ao và lấy đất để san lấp mặt bằng phần đất nhà ông T1 và ông T1 không có trả tiền cho ông X như lời thừa nhận của ông T1, bà H là vợ ông T1.

[4] Đối với khối lượng đất ông X đã san lấp và số tiền công san lấp là bao nhiêu không có tài liệu chứng cứ thể hiện ngoài lời trình bày của ông X và ông T1. Đồng thời, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2022, không xác định được số lượng đất bơm lên là bao nhiêu khối vì không xác định được hiện trạng đất trước khi bơm (năm 2000) so hiện trạng hiện nay chênh lệch nhau như thế nào, Tòa án chỉ ghi nhận được khoảng cách giữa đất ruộng và đất vườn của ông T1 là cách nhau khoảng từ 70cm đến 80cm và trên đất của ông T1 có một cái ao ngang 56m dài 44m, độ sâu không xác định được. Theo ông X xác định đã khoan cái ao để lấy đất san lấp lên mặt bằng đất vườn nhà ông T1 và một phần san lấp qua trường học.

Tuy nhiên, ông T1 chỉ thừa nhận ông X có bơm đất trảng lên phần đất của ông cao khoảng 03 tấc (0,3m) không phải cao 01m như ông X yêu cầu. Cụ thể, tại Biên bản định giá tài sản ngày 21/10/2019; Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/02/2021 của Tòa án huyện Trần Văn Thời; Biên bản ngày 13/8/2019 về việc thẩm định hiện trạng thực tế phần đất sang lấp đang tranh chấp, ông T1 xác định ông X bơm đất cho ông chiều cao chỉ 03 tấc (0,3m).

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/02/2021 của Tòa án huyện Trần Văn Thời, ghi nhận trên đất có 04 căn nhà và 01 nền mộ, bà H là vợ ông T1 xác định các căn nhà và nền mộ không nằm trong diện tích đất ông X đã san lấp mặt bằng.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông X cung cấp thêm các chứng cứ mới là xác nhận của những người từng san lấp mặt bằng đất của ông T1 làm chung với ông X để chia tỉ lệ 15% sau khi san lấp xong mặt bằng như ông Lê Hoàng Khởi, ông Nguyễn Chí Nguyễn, ông Nguyễn Văn Kinh, ông Phan Thành Đại, đều xác định khối lượng đất để san lấp mặt bằng là ngang 99m dài 40m, cao 1m. Xác nhận này phù hợp với lời trình bày của ông T1 tại các biên bản nêu trên về diện tích nhưng về chiều cao ông T1 chỉ thừa nhận chỉ có 0,3m nên chấp nhận chiều cao 0,3m như lời thừa nhận của ông T1. Việc san lấp mặt bằng diễn ra cách đây hơn 20 năm, thời điểm đó trên đất ông T1 chỉ có nhà ông T1 và khu nhà mộ nên khi bơm đất trừ ra diện tích này là phù hợp.

[5] Đối với chi phí san lấp mặt bằng, tại cấp phúc thẩm ông X yêu cầu định giá lại, đại diện của ông T1 cũng không có ý kiến. Xét thấy kết quả định tại cấp sơ

thẩm ngày 21/10/2019 đến ngay yêu cầu định giá lại đã hơn 06 tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kết quả định giá lại theo chứng thư thẩm định giá ngày 19 tháng 01 năm 2022, giá đất theo kết quả định giá là 35.000 đồng/1m³ là phù hợp. Do đó, chấp nhận theo lời thừa nhận của ông T1 về khối lượng đất san lấp mặt bằng với kích thước ngang 99m x dài 40m = 3.960 – (176 + 33) (diện tích nhà và nền mộ) = 3.751 x 0,3 x 35.000đ = 39.385.500 đồng.

Phần nền nhà ông X quản lý ngang 6m dài 50m, ông X trả lại cho ông T1 giá trị phần đất nền số lượng đất bồi đắp trên phần nền nhà ông T1 phải có nghĩa vụ hoàn lai cho ông X là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông T1 xác định phần nền ngang 6m dài 50m do ông X đang quản lý do ông X san lấp mặt bằng chiều cao khoảng 01m. Lời trình bày của ông T2 phù hợp với xác nhận của ông T1 tại biên bản đối chất ngày 19/3/2018, ông T1 thừa nhận có kêu ông X bơm nền nhà là nền nhà hiện nay ông X đang ở vì trước đây là kênh lạng nên chấp nhận theo lời trình bày của người đại diện của ông T1. Do đó, khối lượng đất được tính là 6 x 50 x 1 x 35.000 đồng = 10.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền công san lấp mặt bằng ông T1 phải thanh toán cho ông X là 49.885.500 đồng.

[6] Ông X kháng cáo và ở giai đoạn phúc thẩm ông X cung cấp thêm những chứng cứ mới là những người trực tiếp san lấp mặt bằng cho ông T1 chung với ông X, phù hợp với những chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận kháng cáo của ông X. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện Trần Văn Thời chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền là 49.885.500 đồng, không chấp nhận yêu cầu của ông X đối với số tiền 88.714.500 đồng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Cà Mau và Mau là phù hợp.

[7] Chi phí tố tụng: Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh lại phần nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Tổng số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm là 8.434.000đ (chi phí tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là 1.500.000đ, giai đoạn phúc thẩm là 6.934.000đ). Ông X, ông T1 phải chịu tỷ lệ yêu cầu được chấp nhận. Do ông Nguyễn Văn X đã nộp xong chi phí tố tụng nên buộc ông Nguyễn Văn Thêm trả lại cho ông Nguyễn Văn X.

[8] Về án phí:

[8.1] Án phí sơ thẩm: Ông T1 phải chịu theo quy định pháp luật. ông X phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận, do ông X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí.

[8.2] Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông X không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn X.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.

1. Buộc ông Trương Văn T1 trả tiền công san lấp mặt bằng cho ông Nguyễn Văn X số tiền 49.885.500 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Không chấp nhận yêu cầu của ông X đối với việc yêu cầu ông T1 trả số tiền 5.554.500 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Ông X phải chịu 845.000 đồng (đã nộp xong). Ông T1 phải chịu 7.589.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn X đã nộp xong chi phí tố tụng nên buộc ông Nguyễn Văn Thêm trả lại cho ông Nguyễn Văn X số tiền 7.589.000 đồng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản).

Kể từ ngày ông X có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1 chưa thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì ông T1 còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi quá hạn quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 phải chịu 3.035.000 đồng (Chưa nộp). Ông X được miễn nộp án phí sơ thẩm. Vào ngày 10/9/2018, ông Nguyễn Văn X đã dự nộp 3.465.000 đồng, biên lai thu số 0008657 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, ông X được nhận lại toàn bộ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông X không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Minh Trung

Đinh Cẩm Đào